

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2019/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 06 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Tiền Giang năm 2017

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 374/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Tiền Giang năm 2017; Báo cáo thẩm tra số 94/BC-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Ban

Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Tiền Giang năm 2017

1. Sửa đổi, bổ sung tiết c, tiết d điểm 2.1 khoản 2 Điều 4 như sau:

“c) Giáo dục nghề nghiệp:

Đối với các Trường Cao đẳng, Trung cấp: định mức chi theo cơ cấu chi con người là 82% (bao gồm: tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo số lượng người làm việc được cấp thẩm quyền giao); chi công việc là 18%.

Ngân sách nhà nước sẽ cấp phân chênh lệch giữa định mức chi nêu trên so với khoản thu học phí được để lại theo quy định sau khi trừ nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định;

d) Đối với Trường Chính trị: định mức chi theo cơ cấu chi con người là 82% (bao gồm: tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo số lượng người làm việc trong tổng số người làm việc được cấp thẩm quyền giao); chi công việc là 18%.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Định mức chi sự nghiệp y tế

1. Chi hệ trị bệnh:

a) Định mức chi là 70 triệu đồng/giường bệnh/năm cho các bệnh viện hạng 1;

b) Định mức chi là 68 triệu đồng/giường bệnh/năm cho các bệnh viện hạng 2;

c) Định mức chi là 67 triệu đồng/giường bệnh/năm cho các bệnh viện hạng 3;

d) Định mức chi là 66 triệu đồng/giường bệnh/năm cho các bệnh viện hạng 4;

đ) Định mức chi là 65 triệu đồng/giường bệnh/năm cho các phòng khám;

e) Ngoài định mức chi giường bệnh nêu trên, các đơn vị, địa phương còn được bố trí thêm như sau:

- Bệnh viện Tâm thần tăng thêm 20%, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tăng thêm 40%; Bệnh viện Y học cổ truyền tăng thêm 20%.

- Đối với bệnh viện tuyến huyện: huyện Cái Bè và huyện Cai Lậy, mỗi huyện tăng thêm 10%; huyện Tân Phước và huyện Gò Công Tây, mỗi huyện tăng thêm 20%; huyện Tân Phú Đông tăng thêm 30%; thành phố Mỹ Tho tăng thêm 40%.

- Đối với phòng khám tuyến huyện: huyện Châu Thành và huyện Gò Công Đông, mỗi huyện tăng thêm 10%; huyện Cai Lậy và huyện Gò Công Tây, mỗi huyện tăng thêm 20%; huyện Chợ Gạo và thị xã Gò Công, mỗi huyện và thị xã tăng thêm 30%; thị xã Cai Lậy tăng thêm 80%.

- Tùy theo khả năng cân đối ngân sách địa phương hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí thêm kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế cho các đơn vị.

2. Chi hệ phòng bệnh:

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sự nghiệp y tế:

- Tiền lương cho biên chế, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo lương tính đủ theo số lượng người làm việc thực tế (trong tổng số người làm việc được cấp thẩm quyền giao);

- Chi công việc tính đủ theo biên chế kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền giao với mức là 22 triệu đồng/biên chế/năm;

b) Đối với hệ phòng bệnh tại Trung tâm Y tế các huyện, thành, thị:

Định mức chi hàng năm được tính là 14.700 đồng/người/năm (tính theo dân số của từng đơn vị cấp huyện). Ngoài định mức chi này, huyện Cái Bè, thành phố Mỹ Tho, mỗi huyện và thành phố tăng thêm 20%; huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây, mỗi huyện tăng thêm 110%; huyện Châu Thành tăng thêm 30%, huyện Cai Lậy tăng thêm 40%, huyện Chợ Gạo tăng thêm 70%, thị xã Cai Lậy tăng thêm 100%, thị xã Gò Công tăng thêm 150%; huyện Tân Phước tăng thêm 300%; huyện Tân Phú Đông tăng thêm 350%.

Ngoài định mức nêu trên, hàng năm theo khả năng cân đối ngân sách địa phương sẽ bố trí một khoản kinh phí sự nghiệp y tế để chi phòng chống dịch bệnh và các khoản chi hoạt động chuyên môn khác của ngành y tế.

3. Chi cho Trạm Y tế cấp xã:

a) Tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo lương tính đủ theo biên chế thực tế;

b) Chi hoạt động (bao gồm cả hoạt động của bộ phận dân số cấp xã) như sau:

- Xã (phường, thị trấn) loại 1: 82 triệu đồng/năm;

- Xã (phường, thị trấn) loại 2: 80 triệu đồng/năm;

- Xã (phường, thị trấn) loại 3: 78 triệu đồng/năm.

c) Bác sĩ về công tác ở cấp xã: được hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định hiện hành;

d) Cán bộ y tế ấp, khu phố: được hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định hiện hành.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 13 như sau:

“a) Định mức chi hàng năm được tính là 5% trên tổng chi thường xuyên có định mức đầu thời kỳ ổn định ngân sách. Hàng năm, tùy theo khả năng cân đối ngân sách, sẽ bố trí thêm cho ngân sách cấp huyện. Ngoài định mức chi tính theo tỷ lệ này, mỗi huyện, thành phố, thị xã được phân bổ thêm dự toán như sau:

- Đô thị loại I: 76.500 triệu đồng;
- Đô thị loại II: 46.500 triệu đồng;
- Đô thị loại III: 12.750 triệu đồng;
- Đô thị loại IV: 8.500 triệu đồng;
- Đô thị loại V: 5.000 triệu đồng.
- Huyện Tân Phước và huyện Tân Phú Đông: 2.500 triệu đồng/huyện.”

4. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 13 như sau:

“b) Đối với các xã lớn mang tính chất thị tứ, định mức chi là 240 triệu đồng/năm, bao gồm:

- Xã An Hữu (huyện Cái Bè);
- Xã Mỹ Phước Tây (thị xã Cai Lậy);
- Xã Mỹ Thành Nam (huyện Cai Lậy);
- Xã Vĩnh Kim (huyện Châu Thành);
- Xã Phú Mỹ (huyện Tân Phước);
- Xã Lương Hòa Lạc (huyện Chợ Gạo);
- Xã Long Bình (huyện Gò Công Tây);
- Xã Tân Tây (huyện Gò Công Đông);
- Xã Phú Thạnh (huyện Tân Phú Đông).”

5. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 17 như sau:

“b) Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP chưa tuyển dụng của các cơ quan hành chính tính theo hệ số 1,50 (chỉ tính tiền công và các khoản đóng góp).”

Điều 2. Bãi bỏ các nội dung chi có liên quan đến hợp đồng công việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp được quy định tại: tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều 4; điểm a khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 7; điểm a khoản 1 Điều 9; điểm a khoản 1 Điều 13; điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang khóa IX, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020. / *qu*

Nơi nhận:

- UB.Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu của (UBTVQH);
- Các Bộ: TP; KH&ĐT; Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- KTNN khu vực IX;
- Cơ quan TT Bộ Nội vụ;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Danh